

ỦY BAN DÂN TỘC

Chương trình: Khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020

*“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và
chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”*

Mã số: CTDT/16- 20

Đề tài:

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG
CHÍNH SÁCH DẠY NGHỀ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
CHO LAO ĐỘNG VÙNG DÂN TỘC TỰ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY**

MÃ SỐ: CTDT.26.17/16-20

BÁO CÁO KIẾN NGHỊ

Chủ nhiệm đề tài : GS.TS. Mai Ngọc Cường

Tổ chức chủ trì đề tài : Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Hà Nội, tháng 06/2020

ỦY BAN DÂN TỘC

Chương trình: Khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020

*“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và
chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”*

Mã số: CTDT/16- 20

Đề tài:

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG
CHÍNH SÁCH DẠY NGHỀ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
CHO LAO ĐỘNG VÙNG DÂN TỘC TỰ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY**

MÃ SỐ: CTDT.26.17/16-20

BÁO CÁO KIẾN NGHỊ

Chủ nhiệm đề tài : GS.TS. Mai Ngọc Cường
Tổ chức chủ trì đề tài : Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Chủ nhiệm đề tài

GS.TS. Mai Ngọc Cường

Thủ trưởng

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Đức Thọ

Hà Nội, tháng 06/2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
KIẾN NGHỊ THỨ NHẤT	2
KIẾN NGHỊ THỨ HAI	6
KIẾN NGHỊ THỨ BA	10
KIẾN NGHỊ THỨ TƯ	14

MỞ ĐẦU

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách hướng đến dạy nghề, giải quyết vấn đề việc làm nhằm hỗ trợ người lao động thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi chủ động tham gia vào thị trường lao động, từng bước thoát nghèo bền vững. Việc triển khai các chính sách đã giúp nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số ổn định chỗ ở, từ bỏ việc du canh du cư, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực, việc làm và năng suất lao động của đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, tỷ lệ lao động người DTTS chưa qua dạy nghề còn cao. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, việc thực hiện nghiên cứu **“Đánh giá hiệu quả và tác động chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ đổi mới đến nay”** là cần thiết. Nghiên cứu này không chỉ là căn cứ để hoàn thiện các chính sách hiện hành liên quan đến dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc Việt Nam, mà còn là cơ sở để Nhà nước thực hiện định hướng dạy nghề, giải quyết việc làm trong điều kiện dịch chuyển cơ cấu kinh tế ngành nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển vùng dân tộc.

KIẾN NGHỊ THỨ NHẤT

Khung đánh giá chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số

Theo phân tích chuỗi kết quả của Morra-Imas & Rist (2009), để đánh giá tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số, cần quan tâm đến hai nội dung đánh giá: (i) Đánh giá sự thực hiện; và (ii) Đánh giá tác động.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ chuỗi kết quả chính sách đào tạo nghề cho người dân vùng dân tộc thiểu số

Nguồn: Morra-Imas & Rist (2009)

- Đầu vào: Đó là các thông số về chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm hiện hành đối với lao động vùng dân tộc cần phải được đánh giá về mục tiêu, đối tượng hưởng lợi và hiệu quả mong muốn.

- Các quá trình hay hoạt động: Đó là các thông số về tổ chức hoạt động triển khai thực hiện chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm đối với lao động vùng dân tộc thiểu số trong thực tế cần phải đánh giá để đảm bảo rằng chính sách này đến được đúng mục tiêu, đối tượng hưởng lợi và đem lại hiệu quả. Quá trình đó xem xét trên các khía cạnh: mô hình cơ cấu tổ chức thực hiện; các kế hoạch và chương trình hoạt động đào tạo nghề; con người và tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo nghề...

- Đầu ra: Đó là các thông số kết quả tức thì trực tiếp đến người lao động vùng dân tộc của chính sách này cần phải đánh giá để tạo ra các thay đổi về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động vùng dân tộc sau khi tổ chức triển khai chính sách vào thực tế (số lượng lao động được đào tạo nghề, tạo việc làm; cơ cấu ngành nghề được đào tạo; chất lượng đào tạo nghề, vị thế việc làm...).

- Kết quả (từ đầu ra). Đó là các thông số thể hiện sự biến đổi do những thay đổi từ thông số của đầu ra, bao gồm sự thay đổi về cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo, số lượng lao động tham gia vào các ngành kinh tế...

- Tác động: Đó là các thông số kết quả dẫn xuất ảnh hưởng, tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm đến người hưởng lợi là lao động vùng dân tộc thiểu số cần phải đánh giá để đảm bảo rằng chính sách này phát huy được trong thực tế hoạt động kinh tế - xã hội (tìm được việc làm trên thị trường lao động hoặc tự tạo việc làm tăng thu nhập trong nông nghiệp, phát triển nghề nghiệp, giảm nghèo bền vững...).

Trên cơ sở đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ Đổi mới đến nay, cần thiết phải có một bản đề xuất kiến nghị đầy đủ về sửa đổi hoặc ban hành mới một số chính sách đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số vùng dân tộc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời xây dựng khung đánh giá chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc với các hợp phần sau:

- Giám sát đánh giá đầu vào: tiêu chí/chỉ tiêu, phương thức thực hiện, chủ thể, tần suất đo lường; hình thức báo cáo kết quả đo lường

- Giám sát đánh giá hoạt động: tiêu chí/chỉ tiêu, phương thức thực hiện, chủ thể, tần suất đo lường; hình thức báo cáo kết quả đo lường

- Giám sát đánh giá đầu ra: tiêu chí/chỉ tiêu, phương thức thực hiện, chủ thể, tần suất đo lường; hình thức báo cáo kết quả đo lường

- Đánh giá hiệu quả: tiêu chí/chỉ tiêu, phương thức thực hiện, chủ thể, tần suất đo lường; hình thức báo cáo kết quả đo lường

- Đánh giá tác động: tiêu chí/chỉ tiêu, phương thức thực hiện, chủ thể, tần suất đo lường; hình thức báo cáo kết quả đo lường

Nhằm phản ánh kịp thời và đầy đủ hiệu quả, tác động của chính sách, hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả và tác động cần được bổ sung và hoàn thiện theo hướng phản ánh được đầu vào, đầu ra cũng như những ảnh hưởng của chính sách đến các chủ thể, đối tượng.

	Tiêu chí	Chỉ tiêu
Hiệu quả	Hiệu quả kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền ngân sách nhà nước cho dạy nghề, giải quyết việc làm vùng dân tộc thiểu số - Định mức phân bổ ngân sách chi dạy nghề cho lao động vùng dân tộc thiểu số - Mức chi ngân sách nhà nước bình quân một học sinh, sinh viên - Định mức phân bổ ngân sách chi tạo việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số - Mức chi ngân sách nhà nước bình quân một việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số được tạo ra
	Hiệu quả xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Lao động vùng dân tộc thiểu số được đào tạo nghề - Lao động vùng dân tộc thiểu số có việc làm sau học nghề - Hộ gia đình thoát nghèo sau khi được đào tạo nghề - Chuyển dịch cơ cấu việc làm, cơ cấu kinh tế vùng dân tộc thiểu số - Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống
Tác động	Mức độ thành thạo về kỹ năng nghề	- Trình độ và kỹ năng nghề được đào tạo
	Cơ hội việc làm bền vững	- Dạy nghề ảnh hưởng đến cơ hội có việc làm hưởng lương, có hợp đồng lao động, có bảo hiểm xã hội
	Thu nhập	- Dạy nghề ảnh hưởng tới tiền lương của lao động vùng dân tộc thiểu số

	<p>Nhận thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của học sinh về dạy nghề - Nhận thức của cha mẹ học sinh về dạy nghề - Lý do tham gia học nghề - Lý do không tham gia học nghề
	<p>Hoạt động của cơ sở dạy nghề, tư vấn việc làm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng của cơ sở dạy nghề, tư vấn việc làm - Cơ sở vật chất của cơ sở dạy nghề, tư vấn việc làm - Chất lượng đào tạo của cơ sở dạy nghề - Chất lượng tư vấn của tổ chức dịch vụ việc làm

KIẾN NGHỊ THỨ HAI

Mô hình dự báo nhu cầu lao động, việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số

1. Mô hình dự báo lực lượng lao động dựa trên chuỗi thời gian

Mô hình này được hồi quy chỉ dựa trên các biến số t , t^2 mà không có quan hệ với tăng trưởng GDP. Phương trình hồi quy như sau:

$$\text{Ln}(\text{LLLĐ}) = \beta_0 + \beta_1 * t + \beta_2 * t^2 \quad (1)$$

Ước lượng mô hình này bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS). Tùy thuộc vào kết quả ước lượng mô hình (1) sẽ cho biết xu hướng thay đổi của nguồn nhân lực hoặc LLLĐ, trên cơ sở đó sẽ tính dự báo $\text{LLLĐ} = e^{\beta_0 + \beta_1 * t + \beta_2 * t^2}$ (2)

Như vậy, với cách thức như trên có thể dự báo nguồn nhân lực hoặc LLLĐ theo các nhóm giới tính, theo trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT), theo thành thị nông thôn hay theo nhóm tuổi. Tuy nhiên các kết quả tính toán từ (2) cho các thành phần sẽ không cho kết quả thống nhất về tổng số, do vậy bước tiếp theo thực hiện điều chỉnh theo cơ cấu, nghĩa là tổng số nguồn nhân lực hay LLLĐ dự báo sẽ được giữ cố định. Tính toán cơ cấu nguồn nhân lực theo các phân tổ trong kỳ dự báo. Nhân cơ cấu này với tổng nguồn nhân lực hoặc LLLĐ dự báo để có số liệu dự báo được điều chỉnh thống nhất theo các phân tổ.

Như vậy, với phương pháp trên đòi hỏi phải có chuỗi số liệu theo thời gian, tuy nhiên không phải lúc nào số liệu cho vùng DTTS cũng sẵn có, do vậy báo cáo kết hợp phương pháp dự báo nguồn nhân lực phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế. Theo cách này người ta cho rằng LLLĐ có sẵn sàng làm việc hay không phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế. Mô hình dưới đây dự báo LLLĐ theo tăng trưởng và xu thế thời gian:

$$\text{Ln}(\text{LD}) = \beta_0 + \beta_1 * \text{Ln}(\text{GDP}) + \beta_2 * t + \beta_3 * t^2 \quad (3)$$

Trong đó: LD: nguồn nhân lực hay LLLĐ trong toàn nền kinh tế

GDP: tổng sản phẩm quốc nội được tính theo giá so sánh

Bằng sử dụng kỹ thuật hồi quy theo phương pháp bình phương nhỏ nhất trên tập dữ liệu thống kê liên quan đến các biến LLLĐ, GDP và t , ta sẽ xác định được các hệ số của phương trình (3) khi đó số lao động tham gia hoạt động kinh tế: $\text{LLLĐ} = e^{\text{Ln}(\text{LLLĐ})}$.

Khi dự báo cho vùng DTTS ở các địa bàn có người DTTS sinh sống (bao gồm có cả người kinh/hoa và người DTTS) thì báo cáo này không xét đến yếu tố công nghệ, với giả định rằng việc thay đổi công nghệ ở vùng DTTS diễn ra chậm.

Phương pháp dự báo nguồn nhân lực phân theo khu vực thành thị nông thôn, giới tính, trình độ CMKT,... báo cáo cũng kết hợp sử dụng phương pháp dự báo tỷ trọng theo mô hình như sau :

Phương pháp được xác định như sau:

$$\ln(ODDS) = a_1 + \ln(ODDS(-1)) + a_2 * t + a_3 * t^2$$

Với ODDS là tỷ lệ của lao động ở một mức trình độ nào đó chia cho tổng lao động toàn nền kinh tế, được gọi là tỷ số odds.

Từ kết quả hồi quy, chúng ta sẽ nhận được tỷ số ODDS ở một mức trình độ CMKT và LLLĐ ở mức trình độ CMKT đó sẽ được tính bằng cách nhân tỷ số ODDS với LLLĐ toàn nền kinh tế.

Sử dụng kết quả dự báo LLLĐ nói chung và kết quả dự báo cơ cấu để xác định kết quả dự báo cho từng thành phần.

2. Mô hình dự báo nhu cầu lao động

Để dự báo nhu cầu lao động vùng DTTS, báo cáo kết hợp các phương pháp sau:

Phương pháp xu thế: tương tự như trình bày ở trên, phương pháp này sẽ sử dụng số liệu trong quá khứ về sử dụng nguồn nhân lực vùng DTTS để dự báo trong tương lai.

Phương pháp ước lượng từ hàm sản xuất: báo cáo xuất phát từ dạng hàm sản xuất sau đây:

$$\ln(Q_{i,t}) = \ln(A)_t + \beta \cdot \ln(K_{i,t}) + \alpha \cdot \ln(\lambda \cdot L_{i,t}) + \varepsilon_{i,t} \quad (1)$$

Trong đó: Q_i là đầu ra (được đo bằng VA, GO hoặc doanh thu) của doanh nghiệp i ; các yếu tố đầu vào là vốn K_i và mức năng suất lao động (NSLĐ) $\lambda.L$ (số lượng lao động nhân với năng suất của một đơn vị lao động); A là hệ số tự do, một phần phản ánh ảnh hưởng của trình độ quản lý, tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất; β là tham số ước lượng phản ánh co giãn của đầu ra theo vốn, nếu vốn tăng thêm 1% thì đầu ra sẽ thay đổi β %; α là hệ số co giãn của đầu ra Q theo số lao động;

$\varepsilon_{i,t}$ sai số ngẫu nhiên của mô hình.

Trong các mô hình truyền thống, chúng ta giả định năng suất lao động là như nhau giữa các nhóm lao động, tuy nhiên trên thực tế cơ cấu lao động theo trình độ khác nhau là khác nhau. Do vậy nghiên cứu giả sử có sự thay thế hoàn hảo giữa các loại lao động, NSLĐ $\lambda.L$ có thể được viết lại là tổng của NSLĐ của mỗi nhóm lao động. Nếu λ_j là NSLĐ biên của nhóm j , có thể viết như sau:

$$\lambda L = \sum_j \lambda_j \cdot L_j = \lambda_0 \cdot L \left(\frac{L_0}{L} + \sum_{j \neq \{0\}} \frac{\lambda_j}{\lambda_0} \cdot \frac{L_j}{L} \right) = \lambda_0 \cdot L \left(1 + \sum_{j \neq \{0\}} \left(\frac{\lambda_j}{\lambda_0} - 1 \right) \cdot \frac{L_j}{L} \right) \quad (2)$$

Hàm sản xuất trên được viết lại:

$$\ln(Q_{i,t}) = \text{cons} + \beta \cdot \ln(K_{i,t}) + \alpha \cdot \log(L_{i,t}) + \alpha \cdot \log \left(1 + \sum_{j \neq \{0\}} \left(\frac{\lambda_j}{\lambda_0} - 1 \right) \cdot \frac{L_j}{L} \right)_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (3)$$

Sử dụng xấp xỉ Taylor, chúng ta có dạng tuyến tính sau:

$$\ln(Q_{i,t}) \approx \text{cons}_t^0 + \beta \cdot \ln(K_{i,t}) + \alpha \cdot \log(L_{i,t}) + \sum_{j \neq \{0\}} \alpha \cdot \left(\frac{\lambda_j}{\lambda_0} - 1 \right) \left(\frac{L_j}{L} \right)_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (4)$$

Kết quả ước lượng sẽ giúp xác định được đóng góp của mỗi đơn vị lao động theo nhóm trình độ CMKT đến tăng trưởng như thế nào.

Ước lượng mô hình cầu lao động

Để dự báo cầu lao động, các mô hình thực hiện một số nội dung cơ bản sau:

1) Sử dụng thông tin về bối cảnh phát triển kinh tế xã hội vùng DTTS để xác định mục tiêu tăng trưởng GDP nói chung hoặc GDP theo nhóm ngành.

2) Xác định hệ số kinh tế (Economic Coefficient) theo ngành theo công thức

$$EC = \frac{\text{Số việc làm}}{\text{GDP theo giá so sánh}}$$

Ước lượng mô hình: $\ln(EC) = a_0 + a_1 \ln(\text{GDP}) + a_2 t + a_3 t^2 + e$

Trong đó, EC là hệ số kinh tế; GDP được tính theo giá so sánh, tùy trường hợp cụ thể mô hình trên có thể có t^2 hoặc $\ln \text{GDP}^2$.

3) Dự báo cầu lao động theo ngành: Dựa trên kịch bản tăng trưởng GDP hoặc giá trị GDP dự báo) cho từng ngành, xác định được $\ln(EC)$ từ mô hình trên, giả định là: $\ln(EC) = X$

$$\text{Hay } \ln\left(\frac{\text{Số việc làm}}{\text{GDP theo giá so sánh}}\right) = X$$

Khi đó, số việc làm tại kỳ dự báo là: $\text{Emp} = \text{GDP} * e^X$

4) Dự báo nhu cầu lao động theo một số nhóm như: trình độ CMKT, báo cáo ước lượng mô hình cho một phân tử nào đó: $\ln(\text{odds}) = \beta_0 + \beta_1 t + \beta_2 t^2$

Trong đó, $\ln(\text{odds}) = \ln\left(\frac{P}{1-P}\right)$, P là tỷ trọng lao động của một phân tử trong tổng số lao động

Từ kết quả ước lượng mô hình trên sẽ dự báo được P, và dự báo được việc làm của phân tử i là $\text{Occ}_i = P_i * \text{Emp}$.

KIẾN NGHỊ THỨ BA

Hoàn thiện chính sách dạy nghề cho lao động vùng dân tộc thiểu số

Ủy ban Dân tộc phối hợp cùng các cơ quan nghiên cứu chính sách cần tư vấn đề Chính phủ ban hành các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động vùng dân tộc cho phù hợp với đặc thù riêng có của vùng dân tộc, có điều chỉnh, bổ sung theo các giai đoạn, các điều kiện cụ thể. Cần thiết phải có một bản đề xuất kiến nghị đầy đủ về sửa đổi hoặc ban hành mới một số chính sách đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số vùng dân tộc đến năm 2025.

Từ việc phân tích những khó khăn, thách thức cho thấy cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp thể hỗ trợ và thúc đẩy công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm đem đến lợi ích cho người DTTS thiết thực và hiệu quả hơn. Một số giải pháp cần quan tâm, triển khai:

Thứ nhất, các địa phương cần chủ động hơn nữa trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và bố trí nguồn lực cho công tác đào tạo nghề đảm bảo hỗ trợ đầy đủ và kịp thời cho các lao động DTTS có mong muốn, nhu cầu được học nghề. Hoàn thiện chính sách đối với người học nghề là người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn theo hướng miễn giảm toàn bộ học phí và nâng mức học bổng cũng như các mức hỗ trợ về ăn ở, đi lại.

Thứ hai, kiện toàn mạng lưới cơ sở GDNN và nghề đào tạo theo vùng, địa phương; chú trọng xây dựng các cơ sở GDNN dạy nghề chuyên biệt/ngành truyền thống, đặc thù đối với các vùng dân tộc và cơ sở GDNN ở vùng miền núi, phù hợp với điều kiện và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng.

Thứ ba, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất đối với các trường trọng điểm thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các trường dạy nghề dân tộc nội trú; ưu tiên kinh phí hỗ trợ lao động nông thôn học nghề tại các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ tư, đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên dạy nghề cho người DTTS ở các cơ sở GDNN; có chính sách ưu đãi, các chế độ đãi ngộ cao hơn nhằm thu hút những người giỏi, có năng lực, kỹ năng giảng dạy, thu hút các giáo viên, các nghệ nhân, thợ bậc cao tham gia dạy nghề dạy nghề cho người DTTS để nâng cao

chất lượng đào tạo.

Thứ năm, tiến hành rà soát, lựa chọn danh mục nghề đào tạo cho người DTTS bên cạnh những nghề truyền thống cần chú trọng gắn với yêu cầu làm nông nghiệp công nghệ cao trong giai đoạn hiện nay, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đào tạo nghề phi nông nghiệp phải xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các dự án lớn và xuất khẩu lao động. Thường xuyên cập nhật danh mục nghề, chương trình đào tạo, xây dựng định mức chi phí phù hợp đối với từng nghề để thu hút đồng bào đăng ký học nghề, nâng cao hiệu quả sản xuất tại địa phương.

Thứ sáu, căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của địa phương; văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào; trình độ LĐDTTS của địa phương để xây dựng mô hình đào tạo nghề phù hợp, định danh nghề của địa phương và định hướng nghề hiệu quả cho người DTTS. Đa dạng hóa các hình thức và cách thức tổ chức lớp dạy nghề phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán sinh sống và sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường đào tạo kỹ năng và đưa các bài học áp dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất để người DTTS dễ hiểu và có thể ứng dụng ngay trong quá trình sản xuất.

Thứ bảy, cải cách chương trình đào tạo nghề phù hợp với thực tế, phù hợp với nhu cầu và trình độ của học viên dân tộc thiểu số. Xây dựng chương trình trên cơ sở yêu cầu kỹ năng việc làm của một công việc cụ thể và xem xét để thiết kế các chương trình đào tạo chuyên biệt bằng tiếng dân tộc đối với một số DTTS ở vùng miền núi phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của các nhóm đối tượng này.

Thứ tám, xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa GDNN với thị trường lao động ở các vùng, các địa phương từ huyện, xã trở lên để đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống GDNN hướng vào việc đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động và giải quyết việc làm cho người dân tộc sau khi học nghề. Thực hiện các chính sách ưu đãi doanh nghiệp đầu tư vào khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào vùng dân tộc, sử dụng lao động là người DTTS tại chỗ vào làm việc tại doanh nghiệp. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập tham gia đào tạo nghề và sử dụng lao động DTTS làm việc cho doanh nghiệp.

Thứ chín, xây dựng cơ chế gắn kết đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm mạnh mẽ hơn để tạo động lực để thúc đẩy người lao động DTTS tham gia học nghề tích cực thông qua chính sách hỗ trợ tín dụng cụ thể cho học viên để phát triển sản xuất theo ngành nghề được học.

Xây dựng các cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin giữa cung và cầu lao động ; xác định rõ nhu cầu về kỹ năng nghề đối với người DTTS đến từng nghề, từng trình độ đào tạo của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn ; thông tin về khả năng tổ chức các khóa học nghề, các nghề có thể đào tạo được và quy mô cung ứng của các cơ sở GDNN.

Xây dựng các cơ chế thúc đẩy sự tham gia tích cực của người sử dụng lao động và người lao động; đồng thời cần nắm chắc nhu cầu lao động cần đào tạo cho mỗi loại nghề, lĩnh vực theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi trong việc xác định nhu cầu, tổ chức dạy nghề, tổ chức lao động sản xuất, bao tiêu sản phẩm hàng hóa.... Có như vậy, công tác đào tạo, dạy nghề mới mang lại hiệu quả cho lao động nông thôn nhất là đồng bào DTTS ở miền núi.

Thứ mười, tăng cường trang bị kiến thức và thông tin cho cán bộ chính quyền các cấp, đảng viên, cán bộ quản lý địa phương (tổ trưởng thôn, xã, các già làng, trưởng bản – những người có tiếng nói và ảnh hưởng đối với cộng đồng dân tộc thiểu số trên từng địa bàn về nội dung và tầm quan trọng chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển nguồn nhân lực DTTS và vai trò của công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác đào tạo nghề cho DTTS. Đảm bảo cán bộ làm công tác tuyên truyền phải am hiểu chính sách, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho người lao động dân tộc. về đào tạo nghề và chính sách tạo việc làm sau học nghề để họ có thể phát huy khả năng, có ý thức, trách nhiệm trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Cải thiện công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề dưới nhiều hình thức phong phú, lồng ghép với các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng để người DTTS dễ dàng tiếp cận, có thêm thông tin và có hiểu biết đầy đủ, đúng đắn về các lợi ích khi tham gia học nghề, đặc biệt tuyên truyền, vận động các thanh niên dân tộc tham gia khóa đào tạo dài hạn hơn để thực sự nâng cao được năng lực và có việc làm tốt hơn.

Các giải pháp cụ thể là:

(i) Cần khuyến khích doanh nghiệp kết hợp đào tạo nghề và sử dụng người lao động dân tộc thiểu số được học nghề vào làm việc tại doanh nghiệp

(ii) Gắn các chương trình đào tạo nghề với các chương trình phát triển kinh tế xã hội của các địa phương

(iii) Chính sách đối với cơ sở dạy nghề

- Xã hội hoá để tăng đầu tư dạy nghề cho người lao động dân tộc thiểu số ở các địa phương

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề của các địa phương

- Cần có chính sách ưu đãi và quản trị tốt hơn các cơ sở đào tạo nghề

(iv) Đổi mới hoạt động đào tạo nghề cho lao động là người dân tộc thiểu số

- Đổi mới về công tác tuyển sinh

- Áp dụng các mô hình đào tạo linh hoạt

- Đổi mới nội dung chương trình và phương pháp đào tạo

- Tăng kinh phí hỗ trợ người học

KIẾN NGHỊ THỨ TƯ

Hoàn thiện chính sách giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số

Đối với chính sách hướng nghiệp và giới thiệu việc làm

Để nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho lao động ở khu vực miền núi, vùng dân tộc các địa phương đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh khi còn ngồi trên ghế nhà trường, giúp các em cân nhắc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân, từ đó góp phần giải quyết việc làm, đáp ứng đúng nhu cầu nhân lực của xã hội, tránh lãng phí nguồn nhân lực của địa phương. Đầu tư hơn nữa về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các Trung tâm GDTX&DN ở khu vực miền núi, vùng dân tộc; lựa chọn đa ngành nghề, chú trọng những ngành nghề phù hợp có nhiều cơ hội việc làm. Bên cạnh những ngành nghề truyền thống như sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi... còn cần phải xây dựng các làng nghề truyền thống, các khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phối hợp với các ngành chức năng trong việc đáp ứng nhu cầu về vốn, đưa khoa học công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn vùng miền núi, dân tộc và tạo điều kiện cho bà con có thêm việc làm, tăng thu nhập lúc nông nhàn hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất ngay tại quê hương, tạo điều kiện giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động các địa phương, từng bước tăng thu nhập và ổn định đời sống nhân dân.

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho thanh niên, thời gian tới, trung tâm tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Nhà nước về dạy nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên, từ đó định hướng cho thanh niên lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp với năng lực, sở trường; đồng thời tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai các chính sách nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho thanh niên phát triển kinh tế; thường xuyên theo dõi và nắm bắt tình hình lao động, việc làm của thanh niên để định hướng nghề một cách sát thực.

Sự tham gia tư vấn của các chuyên gia về nội dung hướng nghiệp, tư vấn chọn trường, chọn nghề, tìm hiểu các ngành nghề trong xã hội và xu hướng phát triển các ngành nghề trong tương lai; thông tin thị trường lao động, các chính sách của Đảng

và Nhà nước về nghề nghiệp việc làm, các hoạt động đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp, việc làm; Đặc biệt hoạt động giao lưu đối thoại trực tiếp giữa các đối tượng cần tư vấn là lao động vùng dân tộc với ban tư vấn dưới hình thức “Hỏi – Đáp” giúp cho những băn khoăn, trăn trở của nhóm đối tượng lao động vùng dân tộc sẽ được tháo gỡ với những vướng mắc về lựa chọn trường, chọn nghề, hệ thống giáo dục đào tạo, thị trường lao động, việc làm và xu hướng phát triển ngành nghề trong tương lai.

Thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp lựa chọn nghề cho LĐDTTS phù hợp với quá trình tái cơ cấu trúc nền kinh tế, nhất là gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp bền vững.

Nâng cao hiệu quả hoạt động hướng nghiệp trong các trường THCS, THPT, giáo dục thường xuyên và trong các CSDN, kết hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các cấp trường, huyện, tỉnh để vận động, khuyến khích thanh niên, học sinh DTTS có nhận thức đúng đắn và tham gia học nghề, chủ động lựa chọn các loại hình học nghề phù hợp với sức khỏe, năng lực, sở trường cá nhân.

Đổi mới chương trình, nội dung tư vấn, giới thiệu việc làm; Coi trọng việc tư vấn, định hướng nghề cho người tham gia học nghề: Mục đích học nghề để làm gì? Học nghề gì là phù hợp với từng người và địa phương, tiến tới định lượng được số lượng cho từng nghề và cho các trình độ đào tạo, tăng cường tự kiểm định chất lượng dạy nghề nhằm phát huy được nghề nghiệp đối với mỗi người sau khi học nghề, đồng thời tránh sự lãng phí về nguồn lực xã hội và lãng phí về thời gian, kinh phí học tập. Mỗi LĐDTTS cần xác định được động cơ đúng đắn, phát huy tối đa sự chủ động, sáng tạo của bản thân trong học nghề, giải quyết việc làm cho cá nhân và cộng đồng xã hội.

Ngoài ra, đối với các chính sách hỗ trợ học nghề đối với học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ tìm kiếm và tạo việc làm, Ủy ban Dân tộc cần kiến nghị theo hướng điều chỉnh tăng mức hỗ trợ và chú trọng tới cả trong và sau quá trình học nghề của lao động dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, để trung tâm dịch vụ việc làm thực sự trở thành địa điểm tin cậy, kênh thông tin thị trường lao động chính thức, nơi kết nối việc làm hiệu quả giữa người lao động và người sử dụng lao động vùng dân tộc thiểu số thì hoạt động của hệ

thống các trung tâm dịch vụ việc làm trong thời gian tới cần thực hiện các giải pháp sau:

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ: (1) Tư vấn việc làm, học nghề và chính sách có liên quan, (2) Giới thiệu việc làm, tuyển dụng và cung ứng lao động; (3) Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thị trường lao động; (4) Thực hiện các hoạt động sự nghiệp về bảo hiểm thất nghiệp, (5) Dự báo biến động của thị trường lao động; (6) Đào tạo kỹ năng cho người lao động;

- Thông tin thị trường lao động là kim chỉ nam cho hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm, trung tâm dịch vụ việc làm muốn tồn tại, phát triển phải xác định được dữ liệu về thị trường lao động, dữ liệu người tìm việc, việc tìm người. Hình thành mạng lưới kết nối các trung tâm dịch vụ việc làm trên toàn quốc, phục vụ kết nối cung – cầu lao động;

- Tập trung đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dịch vụ việc làm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người lao động tiếp cận dịch vụ thuận tiện, nhanh chóng mà không phải mất chi phí về tài chính và tiết kiệm được thời gian;

- Tăng cường hợp tác công tư, thông qua các chương trình thị trường lao động chủ động, dự án phát triển thông tin và thị trường lao động có sự tham gia, đóng góp của các tổ chức tư nhân về dịch vụ việc làm và các tổ chức khác;

- Khai thác và thực hiện các dự án, chương trình hỗ trợ việc làm cho từng nhóm lao động phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương;

- Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện các nhiệm vụ của Trung tâm dịch vụ việc làm, nhất là tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động...trong thời kỳ mới.

Đối với chính sách tín dụng cho lao động vùng dân tộc thiểu số

- Đối với việc quản lý, theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ cũ thuộc các chương trình tín dụng đối với lao động vùng dân tộc thiểu số, cần tiến hành điều tra, phân tích nguyên nhân cụ thể của từng khoản vay đã đến hạn, quá hạn để có giải pháp xử lý thích hợp.

- Đối với việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình cho vay cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức

chính trị - xã hội trong công tác chỉ đạo theo ngành dọc của mỗi đơn vị. Đồng thời, có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, Ngân hàng chính sách xã hội và các cấp, các ngành tại địa phương.

Đối với hỗ trợ hỗ trợ phát triển sản xuất và hỗ trợ sau học nghề cho lao động vùng dân tộc thiểu số

* Đối với Quỹ quốc gia về việc làm:

- Bổ sung nội dung về phân bổ nguồn vốn bổ sung cho Quỹ quốc gia về việc làm. Phân bổ nguồn vốn bổ sung cho Quỹ từ tiền lãi vốn vay, trong đó quy định cụ thể hướng phân bổ tiền lãi vốn vay, quy định đối với nguồn vốn bổ sung cho Quỹ tại địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đối với nguồn vốn bổ sung cho Quỹ của các tổ chức thực hiện chương trình là cơ quan trung ương của các tổ chức thực hiện chương trình. Huy động nguồn vốn để cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong đó quy định trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội huy động nguồn vốn để thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định pháp luật.

- Nâng mức vay và thời hạn vay vốn. Về mức vay vốn, hiện nay, đối với người lao động, mức vay tối đa là 50 triệu đồng. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay 01 dự án tối đa là 01 tỷ đồng và không quá 50 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh có đủ vốn để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm cho người lao động; tăng thu nhập, cải thiện kinh tế cho bản thân, gia đình, mức vay tối đa 20 triệu đồng/ hộ gia đình và 500 triệu đồng/dự án cơ sở sản xuất kinh doanh). Nâng mức vay tối đa đối với cơ sở sản xuất kinh doanh lên 02 tỷ đồng; đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng. Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn. Về thời hạn vay vốn, hiện nay thời hạn vay vốn không quá 60 tháng, thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng chính sách xã hội và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng

vay vốn. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Chính sách xã hội linh hoạt, chủ động trong việc thẩm định, quyết định thời hạn cho vay, tạo thuận lợi cho người vay quyết định, lựa chọn thời hạn vay phù hợp. Tăng thời hạn vay vốn tối đa lên 120 tháng.

- Tăng lãi suất vay vốn. Hiện nay quy định theo hướng thống nhất với các chính sách tín dụng hiện hành khác được thực hiện bởi Ngân hàng Chính sách xã hội, bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. Đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật; cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số và cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số thì lãi suất vay vốn bằng 50% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo.

- Nâng mức vay có tài sản bảo đảm theo hướng nâng mức vay phải có tài sản bảo đảm tiền vay từ Quỹ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh và người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng.

- Điều chỉnh nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm theo hướng giao Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm tại các địa phương, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền điều chỉnh nguồn vốn vay tại địa phương. Điều chỉnh nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm giữa các cơ quan cấp tỉnh theo hướng giao cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình có thẩm quyền điều chỉnh nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm.

* *Đối với lao động tham gia học nghề, cần thể chế hóa trách nhiệm của lao động vùng dân tộc thiểu số sau học nghề. Khi thể chế hóa việc người lao động vùng dân tộc thiểu số có quyền thụ hưởng việc học nghề thì cũng cần thể chế hóa trách nhiệm của họ trong việc hành nghề. Hiện nay phần lớn người lao động vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc thiểu số có tâm lý lo ngại sau khi học nghề xong không có vốn, không tìm được việc làm. Một bộ phận, nhất là ở khu vực miền núi,*

vùng dân tộc còn trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Do đó, nhà nước cụ thể là chính quyền địa phương, trước tiên phải thông tin đầy đủ về chính sách hỗ trợ và lợi ích về việc học nghề để họ chủ động và tích cực học nghề. Bên cạnh đó chính quyền địa phương lựa chọn các mô hình tổ chức đào tạo nghề phù hợp, hiệu quả và gắn với việc làm lâu dài, bền vững để người DTTS có thể hành được nghề sau khi đã học. Thông qua đó từng bước nâng cao trách nhiệm và chủ động tự tạo việc làm cho mình và cộng đồng để hành nghề một cách hợp pháp, hành nghề đúng nghề được đào tạo và được nhà nước cấp chứng chỉ/chứng nhận. Trách nhiệm của người học nghề liên quan đến nhiều vấn đề quyền, lợi ích của người học trong các chính sách, thông tư khác nhau. Vì thế cần phải rà soát lại, lồng ghép trách nhiệm của người học vào các chính sách, chương trình đó cho phù hợp.

** Đối với cơ quan quản lý nhà nước*

- Đẩy mạnh thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh cải cách kinh tế, tái cơ cấu nền kinh tế; phát triển hài hoà, bền vững các vùng để tận dụng lợi thế cạnh tranh của đất nước, thu hút và giải quyết việc làm cho lao động, trong đó có lao động nữ;

- Hoàn thiện thể chế, chính sách về việc làm, thị trường lao động phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh hội nhập; xây dựng các chính sách hỗ trợ việc làm cho lao động nữ, lao động dân tộc thiểu số, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, lao động dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương để có những chính sách phù hợp nhằm thu hút nguồn lao động có trình độ chuyên môn về công tác ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của kinh tế, xã hội ở tất cả các khu vực trên phạm vi cả nước.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, chú trọng đẩy mạnh dự báo thị trường lao động trong ngắn hạn và dài hạn nhằm cung cấp các thông tin về cơ hội việc làm, chỗ việc làm trống, các khoá đào tạo... giúp lao động vùng dân tộc thiểu số lựa chọn và quyết định học nghề, lập nghiệp, tham gia thị trường lao động;

- Ưu tiên cho vay vốn giải quyết việc làm đối với các dự án tạo nhiều việc làm cho lao động thanh niên, lao động nữ, lao động dân tộc thiểu số tại vùng dân tộc thiểu số từ Quỹ quốc gia về việc làm.